TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2024.
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.
Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 04/4/2024, tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 528/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2023 về việc "*Kiện ly hôn; tranh chấp nuôi con chung*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H D, sinh năm 1993.
Nơi thường trú: Buôn Br, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Y T, sinh năm 1994.
Nơi thường trú: Buôn K, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H D trình bày:* Tôi và anh Y T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân trở nên khó khăn, không hòa thuận được, thân ai nấy lo. Từ năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Y T.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu H N, sinh ngày 08/10/2015. Sau khi ly thân thì cháu vẫn đang ở với tôi. Tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu anh Y T cấp dưỡng nuôi con chung 500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Y T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do.*

Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn chị H D yêu cầu anh Y T cấp dưỡng nuôi con chung 500.000 đồng/tháng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình – Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H D; Về quan hệ hôn nhân: Chị H D được ly hôn với anh Y T; Về con chung: Giao con chung là cháu H N cho chị H D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị H D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H D và anh Y T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/12/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của chị H D thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên cãi nhau; hôn nhân không dung hòa được; chị H D và anh Y T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị H D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H D được ly hôn với anh Y T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Y T nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì quá trình chung sống vợ chồng chị H D và anh Y T thường xuyên mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm rõ; vợ chồng chị H D và anh Y T không còn chung sống với nhau từ năm 2020.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mục đích của hôn nhân không đạt được; chị H D và anh Y T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H D, cho chị H D được ly hôn với anh Y T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H D và anh Y T có một con chung là cháu H N, sinh ngày 08/10/2015; sau khi chị H D và anh Y T sống ly thân thì cháu H N ở với chị H D cho đến nay, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ; nguyện vọng của của chị H D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành. Để đảm bảo tâm lý; điều kiện học hành; sinh hoạt và không gây xáo trộn trong cuộc sống của con chung, HĐXX xét thấy cần giao cháu H N cho chị H D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu H N trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H D không yêu cầu anh Y T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Anh Y T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Chị H D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H D được ly hôn với anh Y T.

- Về con chung: Giao cháu H N, sinh ngày 08/10/2015 cho chị H D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H D không yêu cầu anh Y T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Y T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị H D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị H D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0003641 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy